



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN (ĐHQG-HCM)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
THỦ DẦU MỘT



VIỆN VĂN HỌC
(VIỆN HÀN LÂM KHXH VIỆT NAM)

NHỮNG VẤN ĐỀ
**VĂN HỌC
VÀ NGÔN NGỮ
NAM BỘ**

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM

15. Truyện ngắn Quốc ngữ ở Nam Bộ từ hình thành đến cuối thế kỷ XIX137
Trần Văn Trọng
16. Quan niệm về chủ nghĩa hiện thực của một số tác giả Nam Bộ đầu thế kỷ XX.....144
Trương Thị Linh
17. Vài nét về bức tranh đô thị trong du ký Nam Bộ nửa đầu thế kỷ XX.....157
Võ Thị Thanh Tùng

VĂN HỌC DÂN GIAN VÀ VĂN HỌC HÁN NÔM NAM BỘ

18. Sức hấp dẫn của ca dao Nam Bộ.....169
Đoàn Thị Thu Vân
19. Sắc thái văn học dân gian Đông Nam Bộ182
Huỳnh Văn Tới
20. Tình hình sưu tập và đặc điểm các bộ sưu tập ca dao dân ca Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX 190
La Mai Thi Gia
21. Tìm hiểu truyền thuyết về các nhân vật lịch sử Nam Bộ202
Lê Thị Diệu Hà
22. Hình tượng chằn trong văn hóa Khmer Nam Bộ: từ văn học dân gian đến sân khấu diễn xướng..... 215
Nguyễn Thị Tâm Anh
23. Truyện *Tám Cám* ở Nam Bộ.....228
Lê Thị Thanh Vy
24. Tìm hiểu truyện cổ Chăm Nam Bộ242
Phan Xuân Viện
25. Văn hóa ứng xử trong gia đình người Khmer Nam Bộ (qua khảo sát tục ngữ Khmer Nam Bộ).....254
Nguyễn Thị Kiều Tiên
26. Tân cổ giao duyên và hình tượng người phụ nữ Nam Bộ qua *Tân cổ giao duyên*260
Trần Duy Khương
27. Đặc điểm thi pháp của một số truyện kể dân gian An Giang.....270
Trần Tùng Chinh
28. Sắc thái Nam Bộ qua truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp.....279
Võ Phúc Châu
29. Giao lưu và tiếp nhận văn hóa văn học người Hoa và người Khmer trong văn học dân gian người Việt Nam Bộ.....287
Vũ Văn Ngọc
30. Thơ Nôm Đường luật Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX từ góc nhìn thể loại.....296
Nguyễn Kim Châu

THƠ NÔM ĐƯỜNG LUẬT NAM BỘ NỬA CUỐI THẾ KỶ XIX TỪ GÓC NHÌN THỂ LOẠI

Nguyễn Kim Châu^(*)

1. Thơ Nôm Đường luật là một trong những thể loại đóng vai trò chủ lực trong tiến trình kiến tạo các giá trị và diện mạo của văn học Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX. Nó được sử dụng phổ biến trong sáng tác của hầu hết các tác giả tiêu biểu, đáp ứng hữu hiệu những nhu cầu phản ánh, biểu hiện đa dạng của người sĩ phu yêu nước ở giai đoạn tinh thần kháng Pháp trở dậy mạnh mẽ trên chiến trường và trên mặt trận văn chương. Xuất phát từ thực tế đó, từ trước đến nay, trong các công trình khảo cứu nào liên quan đến văn học Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX, mảng sáng tác thơ Nôm Đường luật thường là tiêu điểm đáng chú ý. Tuy nhiên, trong khi các giá trị nội dung của thơ Nôm Đường luật được tập trung tìm hiểu khá kỹ thì vấn đề lý giải những đặc điểm hình thức, những tiềm năng, ưu thế nghệ thuật của thể loại này vẫn chưa nhận được nhiều sự quan tâm. Vậy, trên vùng đất mới và trong hoàn cảnh mới, các nhà thơ Nam Bộ đã có những đóng góp gì vào sự phát triển của một thể loại đã được đào luyện qua bảy thế kỷ trước đó? Tính chất đa năng của thơ Nôm Đường luật được các tác giả khai thác như thế nào? Các yếu tố thuộc phương diện hình thức của thể loại được vận dụng và cải biến ra sao cho phù hợp với thực tiễn sáng tác? Thiết nghĩ, những vấn đề này rất cần được đào sâu thêm.

2. Một đặc điểm đầu tiên dễ nhận thấy của thơ Nôm Đường luật Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX là tính thời sự. Nó bám rất sát những biến cố có tác động sâu sắc đến đời sống vật chất và tinh thần của người Nam Bộ ngay từ lúc thực dân Pháp chuyển hướng tấn công vào cửa biển Cần Giờ (1859), bắn phá, vây hãm các pháo đài, đồn trại ở hai bên sông Đồng Nai và chỉ trong vài ngày đã chiếm thành Gia Định¹. Suốt giai đoạn sáu tỉnh Nam kỳ lần lượt rơi vào tay giặc và cả những thập niên cuối thế kỷ XIX in đậm dấu ấn biến động dữ dội của các phong trào khởi nghĩa nông dân liên tục bùng nổ, thơ Nôm Đường luật vẫn xuất hiện song hành với các thể loại truyền thống khác của văn học trung đại như văn tế, phú, hịch, ... để kịp thời ghi nhận các biến cố chiến sự, ngợi ca tinh thần địch khái của những nghĩa binh chân đất anh dũng chiến đấu và ngã xuống hay bày tỏ nỗi phẫn uất, xót xa của người trí thức trước tình cảnh nước mất nhà tan, nhân dân rên xiết trong cảnh binh lửa. Ưu thế nghệ thuật nào đã giúp cho thể loại này đáp ứng được nhu cầu chuyển tải những vấn đề thời sự và nhờ đó, vẫn là sự lựa chọn phổ biến của các nhà thơ Nam Bộ khi sáng tác? Để giải quyết câu hỏi này, thiết nghĩ, cần phải dựa vào mã nghệ thuật cơ bản của thơ Nôm Đường luật vốn đã được định hình trong mấy thế kỷ phát triển trước đó.

Nhắc đến thơ Nôm Đường luật, đặc biệt là các bài thơ *đề vịnh*, *trần tình*, *tự thuật*, *thuật hoài*, *cảm hoài*, ... người đọc thường bị chi phối bởi ấn tượng về một cấu trúc cô đọng, chặt chẽ, chỉ ghi nhận vài hình ảnh của cuộc sống được chắt lọc, khúc xạ qua cái nhìn tĩnh tại và nỗi niềm lắng đọng lại sau khi các sự kiện đã diễn ra. Trong trường hợp này, thơ Đường luật nói chung và thơ

^(*) PGS.TS, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ.

¹ Cao Xuân Dục, *Quốc triều chính biên toát yếu*, trang 418.

Nôm Đường luật nói riêng thường in đậm dấu ấn hoài cổ hay những cảm xúc, suy tư được đúc kết từ trải nghiệm trước đó của người nghệ sĩ. Tuy nhiên, ngoài khả năng *đề vịnh, tự thuật*,... thơ Nôm Đường luật còn có khả năng thích ứng cao với nhu cầu *ứng tác, cảm tác, ngẫu tác, ngẫu đề, ngẫu hứng*,... nhân một sự kiện, biến cố vừa diễn ra tức thời mà sáng tác một bài thơ để ghi nhận cảm xúc nóng hổi, bất chợt khởi phát khi nhà thơ chứng kiến hoặc tiếp nhận các thông tin liên quan đến sự kiện, biến cố đó. Muốn ứng tác, ghi nhanh thì thuận lợi nhất là câu chữ phải cô đọng, hạn chế, bài thơ phải có sự hoàn hảo của một chỉnh thể nghệ thuật nhưng chỉnh thể đó phải hết sức nhỏ gọn. Đối với yêu cầu này, tứ tuyệt và bát cú Đường luật thường là sự lựa chọn tối ưu.

Sự xuất hiện của nhiều bài thơ Nôm Đường luật đậm chất thời sự trong văn học Nam Bộ nửa sau thế kỷ XIX là minh chứng cho nhận định trên. Ngay khi thực dân Pháp xâm lược Nam Bộ, Nguyễn Đình Chiểu đã viết bài thơ *Chạy giặc* ghi nhanh hình ảnh đau thương của một vùng đất thanh bình đột ngột bị tàn phá bởi “*tiếng súng Tây*”. Hay tin *Mất Vĩnh Long*¹, Phan Văn Trị viết ngay những vần thơ cảm tác trước tình cảnh “*Tan nhà cảm nỗi câu ly hận/ Cắt đất thương thay cuộc giàng hoà*”. Cũng trong giai đoạn chiến sự biến chuyển nhanh chóng và phức tạp đó, Bùi Hữu Nghĩa viết bài thơ *Ai xui Tây đến* đau đớn nêu câu hỏi “*Ai khiến thằng Tây tới vậy à/ Đát bằng bông chốc nỗi phong ba*” và chùm thơ 10 bài *Cảm tác* miêu tả tình hình giang san nghiêng ngả trong cảnh “*Ngọn lửa Tam Tần phừng đất cháy/ Chòm mây Ngũ Quý lấp trời bay*”,...

Không chỉ bám sát các biến cố liên quan đến quá trình mất dần sáu tỉnh Nam Kỳ vào tay thực dân Pháp, nhiều bài thơ Nôm Đường luật còn ghi nhanh cảm xúc đau thương của lớp sĩ phu yêu nước Nam Bộ ngay khi vừa hay tin các cuộc khởi nghĩa nông dân bị dập tắt, những người anh hùng, những vị “nguyên soái” dân phong ngã xuống trong nỗi uất hận “*lực bất tòng tâm*”, khó lòng chống đỡ nổi sức mạnh áp đảo của đạn pháo Tây Dương. Với nội dung này, người đọc thật khó quên được chùm thơ bát cú Đường luật 12 bài điều Trương Định và 10 bài điều Phan Tôn nóng hổi chất thời sự, đậm sâu cảm xúc tiếc nuối đau đớn của nhà thơ mù đất Bến Tre.

Không chỉ có thơ Nôm Đường luật mà một số thể loại khác trong văn học Nam Bộ giai đoạn này cũng hướng tới những nội dung nóng hổi tính thời sự. Tuy nhiên, khi ghi nhanh các biến cố chiến sự, các vấn đề nóng hổi của thời cuộc bằng thơ Nôm Đường luật, các nhà thơ Nam Bộ có cách thể hiện riêng, phù hợp để phát huy các ưu thế và khắc phục những nhược điểm của hình thức thể loại. Rõ ràng, dung lượng ngôn từ trong một bài thơ Nôm Đường luật quá hạn chế, không đủ khả năng vừa miêu tả cụ thể, tỉ mỉ các sự kiện, các hình tượng nghệ thuật vừa kết hợp luận bàn, bày tỏ chính kiến và bộc lộ cảm xúc một cách trọn vẹn như văn tế hay phú. Vì vậy, khi phản ánh, ghi nhận các sự kiện, biến cố trong thơ Nôm Đường luật, các tác giả Nam Bộ chỉ có thể giới thiệu hoàn cảnh một cách tóm tắt, ngắn gọn thông qua vài hình ảnh, chi tiết được chọn lọc để nhân đó mà tập trung vào yêu cầu trình bày suy nghĩ, bộc lộ cảm xúc tức thời của người viết. Bài thơ *Chạy giặc* của Nguyễn Đình Chiểu là một minh chứng cho cách mà các nhà thơ Nam Bộ nén chứa những vấn đề thời sự và trình bày suy tư cảm xúc của mình trong một cấu trúc ngôn từ nhỏ gọn:

¹ Còn gọi là bài thơ *Cảm tác*. Người viết sử dụng tựa đề *Mất Vĩnh Long* là căn cứ vào quan điểm của Nguyễn Văn Hầu trong “*Văn học Miền Nam Lục Tỉnh*” và Bảo Định Giang trong “*Những ngôi sao sáng trên bầu trời văn học Nam Bộ nửa sau thế kỷ XIX*”.

*“Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây
Một bàn cờ thế phút sa tay
Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy
Mất ổ bầy chim dáo dác bay
Bến Nghé của tiền tan bọt nước
Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây
Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng
Nỡ để dân đen mắc nạn này”*

Đây được xem là bài thơ mở đầu cho bộ phận sáng tác văn chương yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu. Nó ghi nhận thời điểm người Pháp nổ tiếng súng xâm lược đầu tiên trên mảnh đất Nam Bộ, một biến cố trọng đại gắn liền với cú sốc tâm lý đột ngột, dữ dội khiến những người trí thức yêu nước phải bàng hoàng, lo âu, phẫn nộ và đau đớn. Trong hoàn cảnh đó, tác giả đã chọn sáng tác một bài thơ Nôm Đường luật vốn mang tính chất *tức sự, ngẫu tác* rất phù hợp với nhu cầu ghi nhanh, phản ánh tức thời một sự kiện có tầm ảnh hưởng trực tiếp, rộng lớn và sâu sắc đối với cuộc sống của người dân. Tuy nhiên, không gian chật hẹp của bài thơ bất cứ Đường luật không cho phép tác giả miêu tả tỉ mỉ, chi tiết để phục dựng một bối cảnh cụ thể, sinh động như trong các thể loại có dung lượng ngôn từ phóng khoáng mà chỉ có thể chọn lọc vài hình ảnh để nhắc đến biến cố vừa xảy ra và sắp xếp cho chúng xuất hiện ở một số vị trí phù hợp với chức năng của các liên trong bố cục bài thơ Đường luật. Chẳng hạn, ta có thể thấy tác giả đặc biệt nhấn mạnh âm thanh kinh hoàng của tiếng súng Tây ngay trong câu thơ đầu tiên, vốn được quy định chức năng khắc họa hoàn cảnh khởi phát tâm trạng, hay các hình ảnh gợi thảm cảnh chiến tranh ly loạn do tiếng súng xâm lược gây nên trong hai cặp câu thực và luận có chức năng miêu tả và bàn bạc trong bài bát cú. Chỉ cần vài hình ảnh, chi tiết là đủ nhấn mạnh tính chất đột ngột và hệ quả tác động đáng sợ của biến cố, tạo điều kiện cho tác giả dành trọn hai câu kết để thể hiện thái độ, tâm trạng phẫn uất, đau đớn trước biến cố đó. Rõ ràng, nếu biết cách tổ chức, sắp xếp ý, chọn lọc hình ảnh phù hợp thì một bài thơ Nôm luật Đường nhỏ gọn vẫn có thể đảm bảo vừa bám sát, chuyển tải được những vấn đề nóng của thời cuộc vừa có thể kết hợp trình bày thái độ cảm xúc của người viết đối với những vấn đề đó.

Từ một loại thơ có cấu trúc khép kín, có quy cách sáng tác chặt chẽ, vốn trước đó chỉ phù hợp với nhu cầu bày tỏ chí khí, nhân cách, hoài bão hay bộc lộ nỗi niềm thi nhân trong môi trường ngâm vịnh, ngôn chí, thơ Nôm Đường luật trong văn học Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX đã trở thành một thể loại đầy năng động, xông xáo tham gia vào không khí sôi nổi của thời đại, bám sát các biến cố lịch sử, đánh dấu các sự kiện có tác động sâu sắc đến thái độ, cảm xúc của tác giả đối với thời cuộc.

3. Một đặc điểm khác rất đáng lưu ý của thơ Nôm Đường luật Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX, đó là tính chiến đấu. Đề cập đến đặc điểm này, dứt khoát phải nhắc đến cuộc bút chiến sôi nổi giữa các sĩ phu yêu nước như Phan Văn Trị, Bùi Hữu Nghĩa, Huỳnh Mẫn Đạt, Lê Quang

Chiêu,... với Tôn Thọ Tường, một trí thức đã cam tâm theo giặc còn bày trò làm thơ biện minh cho hành động của mình. 10 bài thơ xướng của Tôn Thọ Tường vừa được đưa ra thì lập tức có ngay những chùm thơ họa đúng vần, đối chọi chan chát về câu từ và ý nghĩa. Từng luận điệu tuyên truyền, lý lẽ biện minh hay câu chữ mỉa mai, châm biếm của kẻ bán nước trong các bài thơ xướng đều bị lật ngược, bẻ gãy, phản chứng,... bởi các bài thơ họa ở vị trí tương ứng. Càng ngẫm nghĩ, so sánh giữa các bài thơ xướng và họa, người đọc càng cảm thấy phấn chấn, bị cuốn hút vào khí thế hùng hực chiến đấu của các sĩ phu không có điều kiện góp mặt ở chiến trường nên dồn hết tâm huyết vào cuộc chiến đấu trên mặt trận văn chương. Trong những yếu tố tác động tích cực đến thành công của cuộc bút chiến nổi tiếng này, dứt khoát phải nhắc đến vai trò của các bài thơ Nôm Đường luật.

Sở dĩ các nhà thơ Nam Bộ chọn thơ Nôm Đường luật làm vũ khí chủ lực trong cuộc bút chiến là vì thể loại này vốn có khả năng thích ứng cao với sinh hoạt xướng họa, đối đáp, rất phổ biến cả trong môi trường văn chương bác học lẫn văn chương bình dân thời trung đại. Hoàn cảnh, đối tượng, nội dung,... rất phong phú, đa dạng nhưng cách thức, nguyên tắc xướng họa, đối đáp luôn được tuân thủ nhất quán, đảm bảo tính chất song hành giữa hai bài thơ xướng và họa, đối và đáp, hỏi và trả lời,... trong đó, toàn bộ các yếu tố quy cách niêm luật, vần điệu, câu chữ, ý nghĩa đều nằm trong thể hô ứng, tương đồng hoặc tương phản, một đối một. Người xướng và người họa, người hô và người ứng đều phải thông minh, sắc sảo, nhanh nhạy để ứng tác và phải đảm bảo vận dụng vần điệu, chữ nghĩa,... một cách chính xác theo những yêu cầu nghiêm ngặt về quy cách hình thức của thơ Đường luật. Các giai thoại dân gian liên quan đến dạng thức thơ đối - đáp giữa Nguyễn Trãi với Nguyễn Thị Lộ, giữa Hồ Xuân Hương với Chiêu Hồ,... các bài thơ xướng - họa đậm chất thù phụng trong văn chương cung đình thời Lê Thánh Tông hay trong các hội sáng tác văn thơ thời trung đại,... cho thấy việc dùng thơ Đường luật làm dạng thức chủ lực trong các sáng tác văn chương có tính chất xướng họa, đối đáp đã trở thành một truyền thống của văn học Việt. Các nhà thơ Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX đã kế thừa truyền thống đó, biết cách tận dụng, khai thác tối đa thế mạnh của lối thơ xướng họa, đối đáp để phục vụ hữu hiệu cho một mục đích đặc biệt, đó là đối chọi, phản bác, bẻ gãy luận điệu của kẻ bồi bút bằng chính thứ vũ khí mà kẻ đó sử dụng.

Hơn thế nữa, cũng cần lưu ý rằng trong các kỳ thi thời trung đại, sĩ tử thường được yêu cầu làm một bài phú và một bài thơ theo thể cách Đường luật. Chính từ thực tế này mà Francois Cheng, nhà nghiên cứu người Mỹ gốc Trung Quốc, từng đề xuất một ý tưởng rất đáng quan tâm, đó là cần chia bố cục bài thơ Đường luật thành ba phần thay vì bốn phần đề - thực - luận - kết theo quan điểm truyền thống, bởi theo ông, một bài thơ Đường luật thường có dáng dấp của một bài văn nghị luận hoàn chỉnh với cấu trúc ba phần chuẩn mực: đặt vấn đề (hai câu đầu), giải quyết vấn đề (bốn câu giữa) và kết thúc (hai câu cuối)¹. Nói cách khác, do ưu thế về quy định bố cục, tổ chức triển khai ý rất chặt chẽ, thơ Đường luật có khả năng đáp ứng cao đối với nhu cầu nghị luận, biện giải các vấn đề chính trị, xã hội, triết học, đạo đức,...

¹ Xin xem bài viết "Bút pháp thơ Đường" của Francois Cheng trong "Về thi pháp thơ Đường".

Rõ ràng, Tôn Thọ Tường đã có ý thức khai thác các ưu thế nêu trên để sáng tác chùm thơ Nôm Đường luật mang nội dung chính luận nhằm đưa ra những lý lẽ, luận điệu biện bác cho hành động bán nước, cam tâm theo giặc của mình, những mong thuyết phục giới sĩ phu yêu nước phải khuất phục trước sức mạnh Tây Dương. Vì vậy, các nhà trí thức Nam Bộ chân chính cũng phải biết cách dùng “gậy ông đập lưng ông”, sử dụng chính thứ vũ khí thơ Nôm Đường luật để chống lại kẻ khởi xướng. Để minh chứng cho sức mạnh phản bác của các bài thơ họa trong cuộc bút chiến, xin dẫn ra đây hai bài thơ, một của Tôn Thọ Tường và một của Phan Văn Trị:

*“Giang sơn ba tỉnh vẫn còn đây
Trời đất xui chi đến nỗi này
Chớp nháng thẳng bon dây thép kéo
Mây tuôn đen kịt khói tàu bay
Xăng văng chậm tính thương đôi chỗ
Khấp khởi riêng lo biết những ngày
Miệng cọt hàm rồng chưa dễ chọc
Khuyên đàn con trẻ chớ thày lay”*

(Tự thuật bài 1 của Tôn Thọ Tường)

*“Hơn thua chưa biết đó cùng đây
Chẳng đã nên ta phải thế này
Bến Nghé quân bao cơn lửa cháy
Cồn Rồng dầu mặc bụi tro bay
Nuôi muông giết thỏ còn chờ thuở
Bủa lưới săn nai cũng có ngày
Đừng mượn hơi hùm rung nhát khi
Lòng ta sắt đá há lung lay”*

(Bài họa của Phan Văn Trị)

Thông thường, muốn đối đáp, xướng họa thì thứ nhất là cả hai bài thơ phải cùng vần và cùng luật; thứ hai là các hình ảnh, ý tứ, lập luận trong từng phần của bố cục bài thơ luật Đường đều phải nằm trong thể hô ứng, hỏi - đáp (trường hợp đối đáp, thi thố tài năng, tìm hiểu đối tượng,...) hoặc tương đồng (trường hợp xướng họa giữa hai người tâm đầu ý hợp) hoặc tương phản (trường hợp đối thoại, đối đầu, tranh luận). Hai bài thơ dẫn trên đây thuộc trường hợp thứ ba. Chúng bộc lộ rõ tính chất căng thẳng của cuộc tranh biện cũng như lập luận sắc sảo, chặt chẽ của cả hai phía tranh biện. Tôn Thọ Tường nhấn mạnh một thực tế là giang sơn ba tỉnh đã mất bởi sức mạnh áp đảo của quân đội Tây Dương. Ngay lập tức, Phan Văn Trị bẻ gãy luận điệu đó bằng lời khẳng định hùng hồn rằng chuyện hơn thua, được mất chỉ là nhất thời; tình cảnh đau thương trong chiến tranh không khiến cho một dân tộc có truyền thống yêu nước nhụt chí mà ngược lại, nỗi căm hận kẻ bán nước, cướp nước càng giúp họ mạnh mẽ hơn. Tôn Thọ Tường muốn giành thế bề trên, ra giọng đe dọa, khuyên răn rằng kẻ thức thời thì nên quy phục, đừng manh động, “*thày lay*” chọc “*miệng cọt hàm rồng*”. Phan Văn Trị cũng lập tức phản bác bằng lý lẽ, giọng điệu sắc bén, cứng cỏi, nêu cao tính cách kiên cường bất khuất của một dân tộc không sợ bất kỳ kẻ thù nào, luôn biết bền chí đợi ngày khôi phục lại giang san. Từng cặp câu, từng hình ảnh, lập luận đều được tổ chức trong thể đối chọi giữa hai bài thơ xướng và họa thể hiện rất rõ những đặc điểm và ưu thế riêng của thơ Nôm Đường luật khi được sử dụng trong cuộc chiến văn chương, chữ nghĩa.

Tính chiến đấu của thơ Nôm Đường luật trong văn học Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX phần nào còn được thể hiện qua những bài thơ vịnh vật có nội dung đả kích, châm biếm, mỉa mai

những kẻ bán nước hại dân, bọn quan lại xấu xa hay những kẻ rỗng tuếch rơm đời. Ở góc độ này, thêm một lần nữa, thơ Nôm Đường luật chứng tỏ rằng nếu được các nhà thơ dân tộc vận dụng sáng tạo, nó hoàn toàn có thể phát huy các ưu thế riêng để trở thành một thể loại đa năng.

Thơ Nôm Đường luật với đề tài vịnh vật có mặt khá sớm, ngay từ khi các tập thơ quốc âm đầu tiên của người Việt ra đời. Ở thời điểm đó, các nhà thơ dân tộc đã có ý thức tìm cách thoát khỏi ảnh hưởng của truyền thống thơ vịnh vật Trung Hoa khi đưa các loài cây, con vật, sự vật, ... bình dị, thậm chí là hết sức tầm thường từ thực tế đời sống vào thơ ca, biến chúng thành đối tượng để miêu tả, đề vịnh và nhờ đó, có thể khơi gợi phần nào chất bình dân cũng như hồn cốt của dân tộc trong một hình thức thơ ngoại nhập (Đường luật). Tuy nhiên, về bản chất, thơ Nôm Đường luật có đề tài vịnh vật trong chặng đầu phát triển vẫn bị chi phối sâu sắc bởi tư duy nghệ thuật bác học, theo đó, các con vật, sự vật “thấp hèn” từ đời thường, khi vào thơ Nôm Đường luật, đều đi qua lăng kính cao nhã để trở thành những biểu trưng cho vẻ đẹp tâm hồn, tính cách, hoài bão chính trị, ... của người trí thức Nho học. Tuy nhiên, đến thơ Nôm Đường luật có đề tài vịnh vật của Hồ Xuân Hương, tình hình đã khác hẳn. Trong thơ bà, các hình ảnh xuất phát từ thực tế đời sống không còn bị chi phối bởi lăng kính cao nhã nữa mà được nhìn từ tinh thần dân chủ và tâm thức văn hóa dân gian. Chúng được “kéo xuống”, hòa nhập vào “môi trường vật dục” rất đời thường để mang thêm những tầng nghĩa ẩn ngầm, buộc người ta phải nghĩ đến hoạt động tính giao hay các bộ phận trong cơ thể con người, đặc biệt là cơ thể người phụ nữ. Thông qua cái nhìn thú vị đó, tiếng cười trong thơ Nôm Đường luật có đề tài vịnh vật của Hồ Xuân Hương vừa có ý nghĩa tôn vinh những vẻ đẹp nhân văn, những khát khao đời thường rất đáng được thông cảm, trân trọng vừa là tiếng nói đấu tranh cho khát vọng bình quyền, châm biếm, đả kích những kẻ “ngụy quân tử” và cả xã hội Nho giáo khắc kỷ giả dối.

Trong văn học Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX, truyền thống sáng tác thơ vịnh vật nói chí¹ vẫn được tiếp nối nhưng bên cạnh đó, các nhà thơ còn tìm thấy ở lối thơ vịnh vật đậm chất trào phúng của Hồ Xuân Hương khả năng đặc biệt của thơ Nôm Đường luật trong việc tạo nên tiếng cười châm biếm, đả kích thâm thúy, sâu cay đối với cái xấu, cái ác. Các bài thơ tả con mèo, con muỗi, con rận của Phan Văn Trị; tả cây vông, cây bần của Bùi Hữu Nghĩa; tả con tôm, con trâu, con chó chết trôi của Học Lạc, ... chính là những ví dụ tiêu biểu cho thành công của nhà thơ Nam Bộ khi biết triệt để khai thác khả năng đó. Để tạo nên tiếng cười trào phúng, đả kích, nét chung của các bài thơ nêu trên là chú trọng thể hiện sắc thái, giọng điệu giễu cợt, mỉa mai, tận dụng cách thể hiện ngắn gọn, hàm súc, câu chữ cô đọng, sắc sảo và cách nói lấp lửng, hai mặt rất hiệu quả trong việc tạo lập mối quan hệ liên tưởng tương đồng giữa loài cây, loài vật được miêu tả với tính cách của đối tượng mà tác giả muốn đả kích, phê phán. Chẳng hạn, ta hãy xem xét bài thơ cụ thể sau:

*“Muỗi hời thân người sướng mọi điều
Thiếu chi chi nữa hãy còn kêu
Giường ngà chiếu ngọc từng nương đậu*

¹ Ông táo, Hột lúa, Thọ may của Phan Văn Trị; Cây bắp, Mang gông của Nguyễn Hữu Huân; Chó già, Cây dừa của Huỳnh Mẫn Đạt, ...

*Má phấn đào non cũng áp yêu
Béo miệng chẳng thương con trẻ dại
Cành hông nào đoái chúng dân nghèo
Ngày nào miễn gặp cây xơ quýt
Xử tội nhà người mắt chẳng nheo”*

(Con muỗi - Phan Văn Trị)

Lấy một loài vật nhỏ bé, luôn gây sự khó chịu đối với con người trong đời sống hàng ngày làm đối tượng đề vịnh, tác giả đã thể hiện rõ thái độ căm ghét những kẻ ác, lợi dụng thời thế, cam tâm theo giặc để được hưởng thụ vinh hoa phú quý, hút máu dân đến “béo miệng”, “cành hông” mà chẳng đoái hoài đến nỗi khổ đau của đồng bào. Giọng điệu chế giễu, mỉa mai ở phần đầu và giọng điệu nghiêm khắc phê phán, cảnh tỉnh ở phần cuối bài thơ có vai trò quan trọng trong việc hướng người đọc tới lớp nghĩa hàm ẩn của hình tượng và chỉ khi nhận ra lớp nghĩa đó, tiếng cười trào phúng đã kích mới bật lên, sắc nhọn như mũi giáo đâm thẳng vào tim đen bọn bồi bút, tay sai bán nước hại dân, bọn quan lại xấu xa, tàn ác, tham tiền tài, quyền lực,... Tính chiến đấu của lối thơ vịnh vật trào phúng chính là ở đó.

4. Một đặc điểm có ý nghĩa chi phối toàn diện và thể hiện rõ đóng góp của thơ Nôm Đường luật Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX vào tiến trình thơ Nôm Đường luật dân tộc, đó là nét đặc sắc vùng miền. Khi chuyển tải các vấn đề thời cuộc, sử dụng văn chương làm vũ khí đấu tranh chống kẻ cướp nước, bán nước hay biểu hiện đời sống tình cảm cá nhân, văn chương Nam Bộ nói chung và thơ Nôm Đường luật Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX nói riêng, ít nhiều đều in dấu ấn tâm lý, tính cách của lớp cư dân trên vùng đất mới. Đó là tâm lý phóng khoáng, ít chịu ràng buộc bởi tư tưởng Nho giáo cực đoan và nền học vấn khoa cử nặng tính quan phương; là cách ứng xử thực dụng chi phối mọi hoạt động sống của cư dân trong một môi trường thiên nhiên hoang sơ, khắc nghiệt; là tính cách hồn nhiên, bộc trực, chân chất, trọng nghĩa khí, thích sự đơn giản, trung thực, ghét giả dối, quanh co, khách sáo,.. Có thể tìm thấy sức chi phối của những nét đặc sắc nêu trên trong mọi yếu tố của thi pháp thể loại, từ quan niệm nghệ thuật đến cách diễn đạt ý tưởng, cảm xúc, từ giọng điệu đến cách lựa chọn, sử dụng hình ảnh, ngôn từ,...

Người Nam Bộ có thói quen bộc lộ một cách thẳng thắn tinh thần tự trọng nghĩa, tình cảm yêu ghét phân minh qua lời nói và hành động cụ thể. Cho nên, trong các bài thơ Nôm Đường luật có nội dung phản ánh thời cuộc, thể hiện tinh thần kháng Pháp hay đã kích những kẻ bán nước hại dân, giọng thơ thường rất mạnh mẽ, khí khái. Có thể tìm thấy một minh chứng tiêu biểu cho giọng điệu đó qua cặp câu thực và luận trong bài thơ tuyệt mệnh tương truyền là của Nguyễn Hữu Huân, một người anh hùng chống Pháp, một trí thức từng đỗ thủ khoa trường thi Hương ở Gia Định lúc chưa đầy 20 tuổi:

“Ồn oại hai vai quân tử trúc

Lung lay một cổ trượng phu tông (tùng)

*Thác về đất Bắc danh còn rạng
Sống ở thành Nam tiếng bỏ không”*

Giọng điệu cứng cỏi, tranh biện gay gắt, thể hiện tinh thần tấn công trực diện, không hề nao núng, sợ hãi, khuất phục cũng chính là giọng điệu chủ đạo trong các bài thơ bút chiến giữa các sĩ phu yêu nước Nam Bộ với Tôn Thọ Tường:

*“Năm hằng vốn thiết thảo cùng ngay
Cuộc ấy ai xui khéo bận thầy
Gặp lúc chẳng may nên ngọng miệng
Chờ khi thấy máy sẽ ra tay
Nổi chìm mặc thể tình dày mỏng
Cao thấp dầu ta sức nhảy bay
Một trận gió đưa xiêu ngã cỏ
Hơn thua chưa quyết đó cùng đây”*

(Bài họa thứ X - Phan Văn Tri)

Ngay cả khi thể hiện tình cảm thương tiếc trước sự hi sinh của những nghĩa sĩ hay tình thế bi quan của đất nước, giọng thơ cảm khái, uất hận cũng không rơi vào chỗ bi lụy mà hết sức hùng hồn:

*“Anh hùng thà thác chẳng đầu Tây
Một giấc sa trường phận cũng may
Viên đạn nghịch thần treo trước mắt
Lưỡi gươm địch khái nắm trong tay
Đầu tang ba tháng trời riêng đội
Lòng giận nghìn thu đất nổi dày
Tiếc mới một sông ra đặt trộm
Cái xên, con rã nghĩ thương thay”*

(Điếu Phan Tông II - Nguyễn Đình Chiểu)

Mặt khác, khi sáng tác thơ Nôm Đường luật, xu hướng chung của các tác giả Nam Bộ giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX là giảm bớt tối đa các hình ảnh ước lệ và tăng cường sử dụng các hình ảnh trong thực tế đời sống để góp phần thể hiện nét đặc sắc vùng miền trong những bức tranh miêu tả thiên nhiên và con người. Có thể tìm thấy cả một thế giới phong phú những hình ảnh bình dị, quen thuộc với mọi người dân Nam Bộ trong các bài thơ Nôm Đường luật, từ quán nước, người thợ may, ông táo, cối xay, hạt lúa, con mèo, con muỗi, con rận, con cào cào, cá lia thia

trong thơ Phan Văn Trị, cây vông, cây bần, cây đũa bép trong thơ Bùi Hữu Nghĩa, đến cây dừa, con trâu, con chó già trong thơ Huỳnh Mẫn Đạt, cặp gà, con tôm, thậm chí là con chó chết trôi trong thơ Học Lạc,... Bài thơ tả cây dừa được dẫn dưới đây dù vẫn thuộc truyền thống vịnh vật nói chí nhưng cũng cung cấp cho người đọc những cảm nhận thú vị về vẻ đẹp riêng và tác dụng nhiều mặt của một loài cây được trồng rất phổ biến ở vùng Tây Nam Bộ:

*“Ba xuân đào lý phải duyên ưa
Cây trái liền năm chẳng kịp dừa
Đuôi phụng về vang che nắng gió
Mình rỗng chạn chứa gọi mây mưa
Dãi dầu giúp kẻ khi soi tối
Giúp nước vui người buổi khát trưa
Rường cột miếu đường không xứng mặt
Chống ngăn bờ cõi cũng bừa bừa”*

(Huỳnh Mẫn Đạt)

Bên cạnh đó, vẻ đẹp mộc mạc, giản dị, đậm màu sắc địa phương cũng là một yếu tố đáng quan tâm khi tìm hiểu những nét đặc sắc về ngôn từ nghệ thuật của thơ Nôm Đường luật Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX. Đến đây, dấu ấn bác học vốn trước đó thể hiện khá đậm nét trong các bài thơ Nôm Đường luật theo xu hướng quý tộc hóa đã bị lấn át bởi một số lượng phong phú các yếu tố ngôn từ địa phương ít trau chuốt, bóng bẩy. Lời thơ thường rất thuần phác, chân chất, hồn hậu, mang dáng dấp của những lời nói tự nhiên, cứ như được phát ngôn ngẫu ứng trong hoàn cảnh giao tiếp thông thường, nhưng thực ra lại có sức tạo hình, biểu cảm cao nhờ vận dụng cách nói năng, cách dùng từ ngữ rất sinh động của người Nam Bộ. Có thể thấy khá rõ những nét đặc sắc đó qua lời thơ đậm màu sắc hội thoại dân gian và cách sử dụng các từ láy với mật độ dày đặc để tăng cường hiệu ứng miêu tả, biểu hiện trong bài thơ tiêu biểu được dẫn dưới đây:

*“Cao lớn làm chi bần hời bần
Uổng sanh trong thế đứng tằn ngần
Lá xanh tợ liễu nhành thưa thớt
Bông bạc dường mai nhụy sượng sần
Quyển luyến bầy cò bay sập sần
Chiêu quy đàn khi tới dẫn lân
Rường soi cột trở chưa nên mặt
Cao lớn làm chi bần hời bần”*

(Cây bần- Bùi Hữu Nghĩa)

Ngoài ra cũng cần chú ý đến đặc điểm cộng cư các dân tộc Việt – Hoa - Khmer trên vùng đất mới và ảnh hưởng của nó đối với việc sử dụng ngôn từ trong thơ Nôm Đường luật Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX, đặc biệt là lối thơ trào phúng. Bài thơ *Khóc chú chệc*¹ của Đỗ Minh Tâm (Nhiều Tâm) được dẫn dưới đây gọi cho người đọc cảm giác lạ lẫm, thú vị với cách dùng từ ngữ có sự pha tạp, biến đổi, gọi nhớ cách xen tiếng Pháp trong thơ Đường luật trào phúng của Trần Tế Xương. Cách vận dụng sáng tạo này một mặt phản ánh rõ tác động của quá trình dung hợp văn hóa trong việc làm giàu thêm vốn từ vựng của cư dân vùng đất mới; mặt khác còn cho thấy tính chất mở của thể loại đã tạo ra những khả năng tiếp biến, cách tân phong phú cho thơ Nôm Đường luật Nam Bộ:

*“Cảm thương chú chệc² ở Đông Ngô
 Một giấc đăm đăm khứ tộ lô
 Xưa ở dương gian còn xính xái³
 Nay về âm phủ hết lô xô
 Trời Nam một phút xiêu hồn phách
 Đất khách ngàn thu lạc mà mờ
 Hia⁴ hời hia ơi bỏ cháo khự
 Để cho chế⁵ nhớ tiếng ai, ô”*

5. Hình thành từ sự kết hợp giữa một yếu tố ngoại nhập (thể Đường luật) với một yếu tố nội sinh (chữ Nôm), thơ Nôm Đường luật là một hiện tượng tiếp biến độc đáo, đã có quá trình phát triển, đào luyện, cách tân suốt bảy thế kỷ trước đó bởi các nhà thơ Việt. Đến nửa cuối thế kỷ XIX, trên vùng đất mới, các tác giả Nam Bộ đã tiếp tục chứng minh rằng đây là một thể loại có nhiều điều kiện cơ bản để đáp ứng nhu cầu tìm tòi, sáng tạo xuất phát từ thực tiễn sáng tác. Nhờ kết cấu chặt chẽ, ngôn từ cô đọng, hàm súc, sắc sảo, thơ Nôm Đường luật hoàn toàn có khả năng đáp ứng nhu cầu ghi nhanh, chuyển tải tức thời những biến cố chính trị, những vấn đề thời cuộc nóng hổi, bức xúc hay có thể trở thành một thứ vũ khí sắc bén phục vụ cho cuộc đấu tranh tư tưởng của các sĩ phu yêu nước Nam Bộ chống lại những kẻ cướp nước, bán nước. Nhờ có yếu tố “Nôm”, thể loại này dễ dàng chấp nhận những cách diễn đạt, lựa chọn, sử dụng ngôn từ, hình ảnh mang tính đặc sắc vùng miền để thỏa mãn nhu cầu khác sâu sắc của nghệ thuật riêng trong khuynh hướng, phong cách sáng tác của các nhà thơ trên vùng đất mới. Với những đặc điểm đó, thơ Nôm Đường luật Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX thực sự là mảng sáng tác chứa đựng nhiều tiềm năng cần được tiếp tục quan tâm khai thác khi tìm hiểu tiến trình vận động, phát triển của thể loại trong văn học trung đại Việt Nam.

¹ Ghi theo phiên âm của Nguyễn Văn Hầu trong “Văn học Miền Nam Lục Tinh”.

² Chệc: tiếng người Hoa dùng để gọi chú.

³ Xính xái: xí xóa, bỏ qua, không tính đến nữa.

⁴ Hia: tiếng người Hoa dùng để gọi anh.

⁵ Chế: tiếng người Hoa dùng để gọi chị.